

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HIỆP HÒA
TỈNH BẮC GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 37/2019/HS-ST
Ngày 21- 5- 2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HIỆP HÒA, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Toàn

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trương Đức Lâm.

Ông Nguyễn Ngọc Trứ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Ngọc Mai- Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung- Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 5 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 32/2019/TLST-HS ngày 25 tháng 4 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2019/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 5 năm 2019 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Văn H**, sinh năm 1988 tại xã D, huyện H, tỉnh B. Nơi ĐKKTT và chỗ ở: Thôn T, xã D, huyện H, tỉnh B; Nghề nghiệp: Thợ xây; trình độ văn hoá (học vấn): Lớp 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Thanh G, sinh năm 1959 và bà: Nguyễn Thị T, sinh năm 1960; vợ: Nguyễn Thị T, sinh năm 1986; con: có 02 con, con lớn sinh năm 2013, con nhỏ sinh năm 2015; tiền án: không; tiền sự: không; nhân thân: Không; Bị cáo đầu thú, bị tạm giữ từ ngày 20/3/2019 đến 29/3/2019 được thay đổi biện pháp ngăn chặn và bị áp dụng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện đang tại ngoại- Có mặt.

- Bị hại: Chị Nguyễn Hoàng Y, sinh năm 1996; Địa chỉ: Thôn T, xã H, huyện H, tỉnh B - Vắng mặt.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1986; Địa chỉ: Thôn T, xã D, huyện H, tỉnh B- Vắng mặt.

2. Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1990; Địa chỉ: Thôn Phú Thuận, xã Đoàn Bái, huyện H, tỉnh B- Có mặt.

- Người tham gia tố tụng khác:

+ Người định giá tài sản: Bà Nguyễn Thị V- Chủ tịch Hội đồng; bà Vũ Thị V- thành viên thường trực; ông Nguyễn Hữu Q- thành viên; ông Trần Đình H- thành viên; ông Bùi Đức C- thành viên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 13 giờ 30 phút ngày 20/3/2019, Nguyễn Văn H đến bệnh viện Đa khoa Sở khu 2, thị trấn T, huyện H, tỉnh B để làm thuê ở khu nhà đang xây dựng, sửa chữa. Khi đi đến khu vực tầng ba của Bệnh viện, H đi qua phòng 303 thì thấy cửa phòng mở, lúc này chị Nguyễn Hoàng Y- sinh năm 1996 ở thôn T, xã H, huyện Hiệp Hòa đang là bệnh nhân điều trị tại Bệnh viện để chiếc điện thoại nhãn hiệu Sam sung A6 plus màu xanh ở trên giường gần cửa ra vào và đi vào nhà vệ sinh. Lợi dụng sơ hở, H nảy sinh ý định trộm cắp chiếc điện thoại của chị Y nên đã đi vào trong phòng bệnh nhân trộm cắp chiếc điện thoại để trên giường đút vào túi quần đang mặc rồi đi ra ngoài cầu thang bộ xuống tầng một rồi ra ngoài cổng bệnh viện lấy xe mô tô đi xuống khu vực Phố H, xã B bán chiếc điện thoại vừa trộm cắp được cho anh Nguyễn Văn T- sinh năm 1990 là chủ cửa hàng điện thoại T Nhung được 1.500.000đồng (một triệu năm trăm nghìn đồng).

Sau khi đi vệ sinh, chị Y xong quay lại giường thì phát hiện bị mất chiếc điện thoại nên đã cùng cán bộ phụ trách an ninh của Bệnh viện xem lại hình ảnh camera quan sát của Bệnh viện thì phát hiện tại thời điểm chị Y bị mất trộm chiếc điện thoại có hình ảnh một người đàn ông vào phòng bệnh lấy trộm chiếc điện thoại. Chị Y đã trình báo cơ quan Công an thị trấn T. Qua xác minh, Công an thị trấn T, huyện Hiệp Hòa đã triệu tập Nguyễn Văn H; đến 16 giờ cùng ngày, H đã đến Công an thị trấn T, huyện Hiệp Hòa đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Cùng ngày, Công an thị trấn T, huyện Hiệp Hòa đã bàn giao đối tượng và hồ sơ tài liệu đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Hiệp Hòa để giải quyết theo thẩm quyền.

Căn cứ lời khai của H, Cơ quan điều tra đã tiến hành điều tra, xác minh. Ngày 20/3/2019, anh Nguyễn Văn T đã tự giác giao nộp chiếc điện thoại mà H đã trộm cắp của chị Y sau đó bán cho anh T.

Ngày 21/3/2019, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Hiệp Hòa ra Quyết định số 20/QĐ, Trưng cầu Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Hiệp Hòa định giá chiếc điện thoại mà Nguyễn Văn H đã trộm cắp của chị Y ngày 20/3/2019. Tại kết luận số 07/KL-HĐĐG ngày 26/3/2019, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Hiệp Hòa kết luận: Chiếc điện thoại nhãn hiệu Samsung A6 plus màu xanh có giá 4.000.000đồng (bốn triệu đồng).

Ngày 01/4/2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Hiệp Hòa đã ra quyết định xử lý vật chứng số 33/QĐ trả lại chiếc xe điện thoại nhãn hiệu Samsung A6 plus màu xanh cho Chị Nguyễn Hoàng Y, chị Y đã nhận lại tài sản và không yêu cầu gì về dân sự.

Đối với số tiền 1.500.000đồng do H bán chiếc điện thoại trộm cắp của chị Y mà có, H đã đưa cho vợ là chị Nguyễn Thị T 100.000đồng nhưng chị T không biết đó là

tiền do H bán tài sản trộm cắp mà có, H đã chi tiêu hết 1.030.000đồng, còn 370.000đồng H đã giao nộp cho Cơ quan điều tra khi đến đầu thú.

Đối với anh Nguyễn Văn T là người đã mua chiếc xe điện thoại mà H đã trộm cắp của chị Y nhưng khi mua anh T không biết đó là tài sản do H trộm cắp mà có. Sau khi biết đó là tài sản do H trộm cắp, anh T tự giác giao nộp lại chiếc điện thoại cho Cơ quan điều tra. Anh T yêu cầu H phải trả lại cho anh số tiền 1.500.000đồng mà anh đã mua chiếc điện thoại của H ngày 20/3/2019.

Từ hành vi trộm cắp tài sản nêu trên của bị cáo Nguyễn Văn H, tại bản cáo trạng số 34/CT-VKS- HH ngày 24/4/2019, Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn H ra trước Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang để xét xử về tội “Trộm cắp tài sản”, theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa công khai sơ thẩm, bị cáo thừa nhận đã có hành vi trộm cắp tài sản như cáo trạng truy tố và nội dung vụ án đã tóm tắt nêu trên, rất hối hận về việc làm của mình, thành khẩn khai báo, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt tù cho bị cáo.

Bị hại (chị Nguyễn Thị Y) trình bày: Khoảng 13 giờ 30 ngày 20/3/2019 chị đang nằm điều trị tại giường số 2 phòng 303 của Bệnh viện đa khoa Sơn Uyên, khi chị đi vệ sinh có để chiếc điện thoại Sam sung A6 plus ở giường, khoảng 2 phút sau quay lại thì đã không thấy đâu nên đã báo lại bệnh viện và trình báo công an. Nay cơ quan điều tra đã thu hồi trả lại cho chị chiếc điện thoại, chị không yêu cầu gì về dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử xử lý bị cáo về hình sự theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Hòa giữ nguyên quan điểm như cáo trạng truy tố bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự. Sau khi phân tích tính chất vụ án, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ và nhân thân của bị cáo, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn H phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật hình sự; Điều 331; Điều 332, Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự;

Xử phạt: Nguyễn Văn H từ 06 tháng tù đến 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, nhậm cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 tháng đến 18 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo: Nguyễn Văn H cho UBND xã D, huyện H, tỉnh B giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

- Về dân sự: Áp dụng khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự; Điều 30 của Bộ luật tố tụng hình sự: Buộc bị cáo: Nguyễn Văn H phải có trách nhiệm bồi thường cho anh Nguyễn Văn T số tiền 1.500.000đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng) là số tiền anh T

đã mua chiếc điện thoại của H đã bị cơ quan điều tra thu giữ trả lại cho bị hại, đến nay bị cáo chưa bồi thường.

- *Về vật chứng*: Áp dụng điểm b khoản 1 và khoản 2 Điều 46 của Bộ luật hình sự; khoản 1 và khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn H số tiền 370.000đ (Ba trăm bảy mươi nghìn đồng) thu giữ của bị cáo, nhưng tạm giữ để đảm bảo cho việc thi hành án.

- *Về án phí*: Áp dụng Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án; Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự: Bị cáo Nguyễn Văn H phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm và 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện theo các quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

Việc truy tố của Viện kiểm sát đối với bị cáo và mức án do kiểm sát viên đề nghị là có căn cứ và đúng pháp luật, phù hợp với tính chất, mức độ của hành vi phạm tội và nhân thân của bị cáo.

[2]. Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa thống nhất với lời khai tại Cơ quan điều tra về thời gian, địa điểm, quá trình bị cáo thực hiện hành vi phạm tội. Tài sản bị cáo trộm cắp đã chứng minh được là chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Sam sung A6 plus trị giá 4.000.000đ (Bốn triệu đồng). Như vậy, Hội đồng xét xử đã có đủ căn cứ kết luận cho bị cáo Nguyễn Văn H phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp của công dân được pháp luật bảo vệ, gây hoang mang dao động và làm bất bình trong quần chúng nhân dân. Vì vậy, cần phải xử lý nghiêm bị cáo để giáo dục riêng và góp phần răn đe phòng ngừa chung. Xét về nhân thân: bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, sau khi có hành vi phạm tội đã ra đầu thú, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, nhất thời phạm tội. Vì vậy, cũng cần xem xét để giảm nhẹ cho bị cáo khi lượng hình.

- *Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự*: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào theo quy định tại Điều 52 của Bộ luật hình sự.

- *Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự*: Bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và đầu thú theo quy định tại điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Vì vậy, không cần thiết phải cách ly bị cáo mà cho bị cáo được hưởng án treo cũng đủ để bị cáo cải tạo trở thành công dân tốt.

- *Về trách nhiệm dân sự*: Tại Cơ quan điều tra, bị hại không yêu cầu bị cáo phải bồi thường về dân sự, vì vậy không xem xét giải quyết. Đối với anh Nguyễn Văn T yêu cầu bị cáo phải trả lại anh số tiền 1.500.000đ đã mua điện thoại do bị cáo trộm cắp nay

đã bị thu hồi, xét là có căn cứ, cần buộc bị cáo phải bồi thường cho anh T số tiền 1.500.000đ (Một triệu năm trăm nghìn đồng).

- *Về án phí*: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn H phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật hình sự; Điều 331; Điều 332, Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự;

Xử phạt: Nguyễn Văn H 07 (Bảy) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, nhậm cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 14 (Mười bốn) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo: Nguyễn Văn H cho UBND xã D, huyện H, tỉnh B giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

- *Về dân sự*: Áp dụng khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự; Điều 30 của Bộ luật tố tụng hình sự: Buộc bị cáo: Nguyễn Văn H phải có trách nhiệm bồi thường cho anh Nguyễn Văn T số tiền 1.500.000đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng) là số tiền anh T đã mua chiếc điện thoại của H đã bị cơ quan điều tra thu giữ trả lại cho bị hại, đến nay bị cáo chưa bồi thường.

- *Về vật chứng*: Áp dụng điểm b khoản 1 và khoản 2 Điều 46 của Bộ luật hình sự; khoản 1 và khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn H số tiền 370.000đ (Ba trăm bảy mươi nghìn đồng) thu giữ của bị cáo, nhưng tạm giữ để đảm bảo cho việc thi hành án.

- *Về án phí*: Áp dụng Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án; Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự: Bị cáo Nguyễn Văn H phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm và 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất là 10%/năm, tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Báo cho bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt biết được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án vắng mặt.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang.
- VKSND tỉnh Bắc Giang.
- VKSND huyện Hiệp Hòa;
- Công an Hiệp Hòa.
- L- u hồ sơ vụ án.
- Bị cáo.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Xuân Toàn.